

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày 06 - 6 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cường Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân và bà Đào Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2025/TLST-DS ngày 10/01/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXX-ST ngày 16/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1961 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Đều trú tại: Xóm G, thôn ĐT, xã ĐĐ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết và là người hàng xóm với nhau nên khoảng năm 2020 (bà không nhớ ngày, tháng cụ thể), bà Trần Thị L có nói với bà là cần tiền để dùng vào việc mua đất dịch vụ nên hỏi vay bà số tiền 40.000.000 đồng, sau đó tại nhà của bà thì bà có đưa cho bà L số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận miệng là 1,5%/tháng, không thoả thuận thời hạn vay, chỉ hẹn khi nào bà cần tiền thì báo trước bà L 01 tháng để chuẩn bị tiền trả cả gốc và lãi. Đến ngày 13/6/2020 thì bà L có tiếp tục hỏi vay bà số tiền 20.000.000 đồng và bà đồng ý cho bà L vay và cũng tại nhà của bà thì bà có đưa cho bà L vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bà có cho bà L vay và bà L có tự tay viết 01 tờ giấy thể hiện ngày 13/6 dương lịch (âm lịch là ngày 22/4/2020) bà L có vay của bà K số tiền 40.000.000 đồng sau vay thêm 20.000.000 đồng, tổng số là 60.000.000 đồng, trong giấy không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ.

Tuy nhiên, đến khoảng tháng 3/2022 thì bà có đòi bà L tiền để về sử dụng vào việc cá nhân nhưng từ đó đến nay bà L không trả bà một đồng tiền gốc vay nào, chỉ trả lãi được khoảng 05 tháng. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị L phải trả bà số tiền gốc vay là 60.000.000 đồng và lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 01/01/2022 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bà xác định lại năm sinh của người bị kiện bà Trần Thị L là sinh năm 1961 không phải sinh năm 1972 như đơn khởi kiện đã ghi đồng thời bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, bà không yêu cầu bà L phải trả và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên yêu cầu khởi kiện còn lại của bà là đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị L chỉ phải trả số tiền gốc vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Về lãi suất: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án do công việc bận, sức khoẻ yếu nên bà không lên Tòa án để tham gia các phiên họp, phiên hoà giải và phiên toà được.

Bà vắng mặt tại phiên toà, tại biên bản ghi lời khai bà trình bày: Do có mối quan hệ quen biết và là người hàng xóm với nhau nên vào năm 2020, bà có nhu cầu cần đến tiền nên bà có hỏi vay bà K số tiền 40.000.000đ, bà K đồng ý cho bà vay số tiền trên. Sau đó đến ngày 13/6/2020 thì bà có tiếp tục hỏi vay bà K số tiền 20.000.000 đồng và bà K đồng ý cho vay. Tổng số tiền mà bà vay của bà Nguyễn Thị K là 60.000.000đ và bà có tự tay viết 01 tờ giấy thể hiện ngày 13/6 dương lịch (âm lịch là ngày 22/4/2020) bà L có vay của bà K số tiền 40.000.000 đồng sau vay thêm 20.000.000 đồng, tổng số là 60.000.000 đồng, trong giấy không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ.

Nay bà Nguyễn Thị K làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vay gốc là 60.000.000đ. Về lãi suất không yêu cầu bà trả và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan điểm của bà là nhất trí trả đối với khoản nợ trên nhưng do tuổi cao, sức yếu, không có nguồn thu nhập nên bà đề nghị cho được trả dần số tiền trên, mỗi năm trả 10.000.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến, đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, bà L đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều

147, 227, 228, 262, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280; 351; 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự. Áp dụng khoản 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vay gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng:

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy việc khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 07/01/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K có đơn nộp tại Tòa án khởi kiện bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà K tổng số tiền nợ gốc 60.000.000đ và lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 01/01/2022 đến nay theo giấy vay tiền kèm theo, bà K đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Các bên tham gia giao kết hợp đồng tự nguyện, có đủ năng lực, hợp đồng có lập thành văn bản nên vụ án nêu trên là vụ án dân sự có quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự. Vụ án có bị đơn bà Trần Thị L có địa chỉ tại xóm Giai, thôn Đại Thượng, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản giữa các bên, trên cơ sở đối chiếu với các quy định tại các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà L. Tòa án đã tiến hành làm việc được với bị đơn bà L, bà có ý kiến xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp và các phiên tòa. Vụ án đã được đưa ra xét xử, tại phiên tòa hôm

nay bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nội dung giấy vay tiền lập ngày 13/6/2020 (dương lịch) được các đương sự bà K và bà L thừa nhận, thể hiện do có quen biết và là hàng xóm của nhau nên năm 2020, bà K cho bà L vay 40.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận miệng là 1,5%/tháng, không thoả thuận thời hạn vay, chỉ hẹn khi nào bà K cần tiền thì báo trước bà L 01 tháng để chuẩn bị tiền trả cả gốc và lãi. Ngày 13/6/2020, bà K tiếp tục cho bà L vay thêm 20.000.000 đồng, tổng số tiền bà K cho bà L vay là 60.000.000 đồng. Cùng ngày, bà L đã viết giấy nợ với nội dung xác nhận ngày 13/6 dương lịch (âm lịch là ngày 22/4/2020) bà L có vay của bà K số tiền 40.000.000 đồng sau vay thêm 20.000.000 đồng, tổng số là 60.000.000 đồng, trong giấy không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ nên đây là Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự. Chính vì vậy, khoảng tháng 3/2022, bà K yêu cầu bà L trả tiền nhưng đến nay bà L chưa trả được khoản tiền nào cho bà K. Hợp đồng trên được lập thành văn bản, thể hiện sự tự nguyện của các bên giao kết, không bị ép buộc, lừa dối nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Như vậy bà K đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về yêu cầu thanh toán nợ đối với Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Việc bà Trần Thị L không trả nợ cho bà Nguyễn Thị K với lý do tuổi cao, sức yếu, không có nguồn thu nhập và đề nghị cho được trả dần, mỗi năm trả 10.000.000đ cho đến khi trả hết nợ nhưng bà K không nhất trí. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay tiền và ký giấy nợ giữa bà Trần Thị L và bà Nguyễn Thị K là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà Trần Thị L phải có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị K số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp

Về tiền lãi và lãi suất: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu bà Trần Thị L phải trả tiền lãi, với mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 01/01/2022 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hoà giải và tại phiên toà hôm nay bà K đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, bà không yêu cầu bà L phải trả và không yêu cầu Toà án giải quyết đối với lãi suất. Việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và được chấp nhận nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Thị L phải trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị K, với mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 01/01/2022 đến nay và nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên bà Trần Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 244, 262, 264, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 276, 280; 357; 429, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự. Áp dụng khoản 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đã rút về việc không yêu cầu bà Trần Thị L phải trả tiền lãi, với mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 01/01/2022 đến nay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vay gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đỗ Cường Dũng